ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01/2016/QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 01 tháng 02 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp Lệnh số 34/2007/UBTVQH11 ngày 20 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 37/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh về việc ban hành quy trình bầu Trưởng thôn, bản, khu phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chính

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, khu phố và quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Thôn, khu phố

1. Thôn, làng, bản… (gọi chung là thôn); thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

2. Khu phố, khóm, tiểu khu,... (gọi chung là khu phố); khu phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là khu phố.

3. Thôn, khu phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố

1. Thôn, khu phố chịu sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã. Hoạt động của thôn, khu phố phải tuân thủ pháp luật, dân chủ, công khai, minh bạch; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền cấp xã và sự hướng dẫn, triển khai công tác của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

2. Không chia tách các thôn, khu phố đang hoạt động ổn định để thành lập thôn mới, khu phố mới.

3. Khuyến khích việc sáp nhập thôn, khu phố để thành lập thôn mới, khu phố mới nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cấp xã và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, khu phố.

4. Việc phân loại thôn, khu phố được thực hiện theo Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Ban hành Quy định tiêu chí phân loại thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, KHU PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, khu phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, 01 Phó Trưởng thôn và các tổ chức tự quản khác của thôn. Trường hợp thôn có trên 500 hộ gia đình thì có thể bố trí thêm 01 Phó Trưởng thôn.

2. Mỗi khu phố có Khu phố trưởng, 01 Khu phố phó và các tổ chức tự quản khác của Khu phố. Trường hợp khu phố có trên 600 hộ gia đình thì có thể bố trí thêm 01 Khu phố phó.

3. Thôn có dưới 50 hộ gia đình chỉ có Trưởng thôn; khu phố có dưới 60 hộ gia đình chỉ có Khu phố trưởng và các tổ chức tự quản khác của thôn, khu phố.

4. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó:

a) Trưởng thôn và Khu phố trưởng có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi (30 tháng). Trường hợp thành lập thôn mới, khu phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Khu phố trưởng thì Chủ tịch UBND cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Khu phố trưởng lâm thời hoạt động cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Khu phố trưởng mới. Thời hạn chỉ định Trưởng thôn, Khu phố trưởng lâm thời không quá sáu tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Khu phố phó, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Khu phố trưởng.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn và Khu phố phó

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn và Khu phố phó thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

Điều 6. Nội dung hoạt động của thôn, khu phố

Nội dung hoạt động của thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

Điều 7. Hội nghị của thôn, khu phố

Hội nghị của thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

Điều 8. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó

1. Trưởng thôn, Khu phố trưởng là những người hoạt động không chuyên trách

ở thôn, khu phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng, mức phụ cấp do HĐND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Phó Trưởng thôn, Khu phố phó được thực hiện chế độ thù lao theo hình thức tự quản tại cộng đồng dân cư.

3. Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới

1. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

2. Các thôn, khu phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, tái định cư hoặc điều chỉnh địa giới hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc do việc di dân đã hình thành các cụm dân cư mới ở vùng núi cao, vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, nơi có địa hình chia cắt, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn, đòi hỏi phải thành lập thôn mới, khu phố mới thì điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới có thể thấp hơn các quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp không thành lập thôn mới, khu phố mới theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì ghép các cụm dân cư hình thành mới vào thôn, khu phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã và các hoạt động của thôn, khu phố, của cụm dân cư.

Điều 10. Thành lập thôn mới, khu phố mới

1. Xin chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới

Trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện để trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xin chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới. Nội dung báo cáo thể hiện rõ các yếu tố cần thiết, các điều kiện theo quy định để thành lập thôn mới, khu phố mới.

Sở Nội vụ tiến hành thẩm định nhu cầu thành lập thôn mới, khu phố mới của UBND cấp huyện trình UBND tỉnh xem xét cho chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới.

2. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có

Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 9, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

Chương III
QUY TRÌNH BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, KHU PHỐ TRƯỞNG VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, KHU PHỐ PHÓ

Mục 1
QUY TRÌNH BẦU TRƯỞNG THÔN, KHU PHỐ TRƯỞNG VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, KHU PHỐ PHÓ

Điều 12. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó

Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, khu phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có trình độ văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư ở thôn, khu phố và công việc cấp trên giao.

Điều 13. Tổ chức bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó

Việc bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó được tổ chức chung một lần. Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, khu phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

- Quy trình bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Quy trình bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó tổ chức thành cuộc bầu cử riêng thực hiện theo nguyên tắc và quy trình quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Quy chế này.

Điều 14. Nguyên tắc bầu cử

1. Việc bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó tổ chức thành cuộc bầu cử riêng được tiến hành vào ngày Chủ nhật, theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

2. Thành phần cử tri tham gia bầu cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình (gọi chung là cử tri tham gia bầu cử). Cử tri tham gia bầu cử là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn, khu phố đủ 18 tuổi trở lên, trừ những người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo và những người mất năng lực hành vi dân sự.

3. Cử tri phải tự mình đi bầu, không được nhờ người khác bầu thay. Trường

hợp ốm đau, già yếu không đi lại được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở của cử tri để cử tri thực hiện việc bầu cử. Mỗi cử tri chỉ bỏ một phiếu bầu cho mỗi chức danh bầu cử. Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu "Đã bỏ phiếu" vào thẻ cử tri.

Điều 15. Quy trình bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng và Phó Trưởng thôn, Khu phố phó

1. Công tác chuẩn bị bầu cử

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, UBND cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó; chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

b) Chậm nhất 18 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, khu phố phối hợp với Trưởng thôn, Khu phố trưởng tổ chức hội nghị để dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, khu phố để thống nhất danh sách những người dự kiến giới thiệu ra ứng cử. Thành phần hội nghị gồm cấp ủy Chi bộ, Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Trưởng ban Công tác mặt trận thôn, khu phố, trưởng các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của thôn, khu phố.

c) Chậm nhất là 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng thôn, Khu phố trưởng phối hợp với Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, khu phố tổ chức hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố. Tại hội nghị này, Trưởng thôn, Khu phố trưởng công bố quyết định của UBND cấp xã về ngày tổ chức bầu cử; phổ biến kế hoạch tổ chức bầu cử, các điều kiện đảm bảo cho công tác bầu cử; Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, khu phố phổ biến điều kiện, tiêu chuẩn Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó theo quy định tại Điều 12 Quy chế này, báo cáo danh sách những người dự kiến giới thiệu ra ứng cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó (mỗi chức danh từ 01 đến 02 người) để hội nghị thảo luận.

Cử tri trong thôn, khu phố có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền tự ứng cử hoặc giới thiệu người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó. Ban công tác mặt trận thôn, khu phố có trách nhiệm tiếp nhận đơn ứng cử hoặc ý kiến giới thiệu người ứng cử và tổng hợp, lập danh sách để hội nghị cử tri thảo luận thống nhất giới thiệu danh sách những người ứng cử. Những người được hội nghị cử tri giới thiệu ứng cử phải được trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị biểu quyết tán thành.

d) Chậm nhất là 12 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, khu phố chủ trì tổ chức hội nghị để thảo luận và ấn định danh sách chính thức những người ứng cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó trong số danh sách những người ứng cử do hội nghị cử tri giới thiệu. Thành phần hội nghị gồm: Bí thư Chi bộ hoặc cấp ủy chi bộ, Trưởng thôn, Khu phố trưởng và các thành viên Ban Công tác Mặt trận ở thôn, khu phố.

đ) Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định thành lập ở mỗi thôn, khu phố một Tổ bầu cử từ 05 đến 07 người (gồm Tổ trưởng là

Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn, khu phố; Thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, khu phố, những người có tên trong danh sách ứng cử không được tham gia vào Tổ bầu cử); quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, khu phố chậm nhất là 07 ngày trước ngày bầu cử.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử:

- Lập và niêm yết danh sách cử tri tham gia bầu cử, danh sách những người ứng cử;

- Lập thẻ cử tri để phát cho cử tri tham gia bầu cử. Thẻ cử tri do UBND cấp xã ký và đóng dấu (Mẫu thẻ cử tri áp dụng theo quy định về Mẫu thẻ cử tri trong các cuộc bầu cử đại biểu HĐND các cấp);

- Nhận tài liệu và phiếu bầu (có đóng dấu của UBND cấp xã ở góc trái phía trên của phiếu bầu) từ UBND cấp xã đề phát cho cử tri trong ngày bầu cử;

- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, danh sách những người ứng cử, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 5 ngày trước ngày bầu cử;

- Bố trí, trang trí phòng bỏ phiếu và chuẩn bị hòm phiếu;

- Tổ chức ngày bầu cử theo đúng quy định;

- Tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu;

- Báo cáo kết quả bầu cử và gửi kèm biên bản kết quả kiểm phiếu đến UBND dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; nộp các tài liệu bầu cử cho UBND cấp xã.

e) Danh sách cử tri tham gia bầu cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó, sau khi Tổ bầu cử lập xong trình UBND cấp xã phê duyệt.

g) Danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri tham gia bầu cử được niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, khu phố chậm nhất là 05 ngày trước ngày bầu cử.

h) Việc bổ sung, sửa đổi những sai sót trong danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện chậm nhất 24 giờ trước ngày bầu cử và phải được Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt.

i) Việc bầu cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Tổ bầu cử chịu trách nhiệm chuẩn bị đủ phiếu bầu theo mẫu quy định của UBND cấp xã trước khi khai mạc cuộc bỏ phiếu, từng chức danh bầu cử có phiếu bầu riêng. Tổ bầu cử phải niêm yết quy định về phiếu bầu hợp lệ, phiếu không hợp lệ tại khu vực bỏ phiếu và liên tục hướng dẫn để cử tri biết trong thời gian diễn ra bầu cử.

Những phiếu sau đây là phiếu không hợp lệ:

- Phiếu không phải là phiếu theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát;

- Phiếu không đóng dấu của UBND cấp xã;

- Phiếu bầu cho 02 người trở lên;

- Phiếu ghi thêm tên người khác ngoài danh sách ứng cử.

2. Tổ chức bầu cử

a) Cuộc bỏ phiếu bắt đầu vào lúc 07 giờ và kết thúc vào lúc 12 giờ trưa cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định bắt đầu cuộc bỏ phiếu sớm hơn và kết thúc muộn hơn giờ quy định, nhưng không được bắt đầu trước 05 giờ và kết thúc quá 22 giờ cùng ngày. Trường hợp khi có 100% cử tri trong danh sách được niêm yết đi bỏ phiếu thì Tổ bầu cử có thể kết thúc cuộc bỏ phiếu sớm hơn.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định việc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định, hoãn ngày bỏ phiếu (trong trường hợp thật sự cần thiết).

c) Cuộc bỏ phiếu bầu cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó thực hiện theo trình tự sau đây:

- Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố quyết định ngày tổ chức bầu cử; thông qua nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó;

- Đại diện Ban Công tác Mặt trận thôn, khu phố giới thiệu danh sách những người ứng cử;

- Tổ bầu cử cử người đại diện kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cử tri;

- Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu;

- Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong thùng phiếu và giấy tờ liên quan, kịp thời báo cáo UBND cấp xã biết, xử lý.

d) Việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó thực hiện như sau:

- Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện cử tri (02 người) không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu;

- Kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, khu phố; số cử tri tham gia bỏ phiếu; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, khu phố;

- Người trúng cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó là người đạt số phiếu bầu cao nhất và trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách cử tri niêm yết;

- Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử;

- Tổ trưởng tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó, kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

3. Trường hợp cuộc bầu cử đầu tiên nếu số cử tri đi bỏ phiếu chưa được quá

nữa số cử tri ghi trong danh sách hoặc kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách cử tri được niêm yết thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do UBND cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Khu phố trưởng thì Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Khu phố trưởng mới.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng lâm thời, UBND cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Khu phố trưởng mới thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 16. Công nhận kết quả bầu cử

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, UBND cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của UBND cấp xã.

Mục 2
QUY TRÌNH MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, KHU PHỐ TRƯỞNG VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, KHU PHỐ PHÓ

Điều 17. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó

Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 hướng dẫn thi hành các điều 11, 14, 16, 22 và 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam.

Điều 18. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó do ngân sách xã, phường, thị trấn đảm bảo.

Chương IV
KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Khen thưởng

Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử lý vi phạm

Trưởng thôn, Khu phố trưởng, Phó Trưởng thôn, Khu phố phó không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tuỳ theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được áp dụng thống nhất ở các thôn, khu phố trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Sở Nội vụ

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra UBND cấp huyện về thực hiện Quy chế này.

b) Tháng 12 hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV và Quy chế này trên địa bàn tỉnh.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn.

b) Định kỳ sáu tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này cho Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

4. Chủ tịch UBND cấp xã

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quy chế này.

b) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Khu phố trưởng trên địa bàn theo quy định của Quy chế này.

Điều 22. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chính